

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH 05/2019/QĐ-UBND NGÀY 08/3/2019 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2019/QĐ-UBND	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Ghi chú
NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH		
<p>1. Căn cứ ban hành Quyết định</p> <p><i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.</i></p>	<p>1.Căn cứ ban hành Quyết định</p> <p><i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</i></p>	<p>Cập nhập một số Luật, Nghị định, Thông tư đã được thay thế, điều chỉnh, bổ sung.</p>

	<i>Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018;</i>	
QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương (bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã và các loại đường chuyên dùng khác).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương (bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã và các loại đường khác). 2. Những nội dung không được điều chỉnh tại Quy định này, được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.	- Bổ sung làm rõ hơn các nội dung
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành	- Sửa đổi cho rõ đối tượng

<p>hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</p> <p>2. Những nội dung không được điều chỉnh tại Quy định này, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ GTVT (sau đây viết tắt là Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.</p>	<p>khai thác và bảo trì công trình đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</p> <p>2. (Bỏ)</p>	<p>- Đưa lên nội dung tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p>
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Bảo trì công trình đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.</p> <p>2.</p> <p>3.</p> <p>4. Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p> <p>5. Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường</p>	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động bình thường, an toàn của kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng, bao gồm: Bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ; sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ; kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ.</p> <p>2. Giữ nguyên</p> <p>3. Giữ nguyên</p> <p>4. Đường tỉnh là đường nằm trong địa bàn một tỉnh nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p> <p>5. Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị</p>	<p>Cập nhật, bổ sung nội dung theo Luật số 34/2024/QH15 ngày 27/6/2024 Luật Đường bộ</p> <p>Cập nhật, bổ sung nội dung theo Luật số 34/2024/QH15 ngày 27/6/2024 Luật Đường bộ</p>

<p>có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện;</p> <p>6. Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.</p> <p>7. Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị;</p> <p>8. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p>	<p>trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện;</p> <p>6. Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) và điểm dân cư nông thôn hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã;</p> <p>7. Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị;</p> <p>8. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ giao thông cho một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và đường nội bộ.</p> <p>9. Đường thôn là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn</p>	
<p>Điều 4. Phân cấp về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường bộ</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như sau:</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ủy quyền quản lý.</p>	<p>Điều 4. Phân cấp về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường bộ</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như sau:</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải: Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường tỉnh (trừ các đoạn tuyến đường tỉnh UBND tỉnh giao UBND cấp huyện quản lý) và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công</p>	<p>- Cập nhật nội dung cho phù hợp tình hình địa phương và bổ sung như Điều 1</p>

<p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quản lý, khai thác, bảo trì mạng lưới đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý).</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Quản lý, bảo trì mạng lưới đường xã, đường thôn, đường xóm, đường ra đồng trên địa bàn.</p>	<p>tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng)) (sau đây gọi chung là đường tỉnh).</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quản lý, vận hành khai thác, bảo trì mạng lưới đường huyện, đường đô thị (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý). (sau đây gọi chung là đường huyện).</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Quản lý, vận hành khai thác, bảo trì mạng lưới đường xã, đường thôn trên địa bàn.</p>	<p>- Cập nhập nội dung cho phù hợp tình hình địa phương và bổ sung như Điều 1</p> <p>- Cập nhập theo nội dung Luật số 34/2024/QH15 ngày 27/6/2024 Luật Đường bộ</p>
<p>Điều 5. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đang trong quá trình khai thác chưa có quy trình bảo trì</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải: Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với đường và các tuyến</p>	<p>Điều 5. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đang khai thác chưa có quy trình bảo trì</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải: Tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với đường tỉnh (trừ các đoạn tuyến đường tỉnh UBND tỉnh giao UBND cấp huyện</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp với Điều 4 nêu trên.</p>

<p>đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt đối với mạng lưới đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý) đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.</p>	<p>quản lý) và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, phê duyệt đối với mạng lưới đường huyện, đường đô thị, đường xã và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý).</p> <p>3. Bỏ</p> <p>4. Đối với các đường khác không thuộc đường quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này Chủ sở hữu công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì.</p> <p>5. Nội dung quy trình bảo trì thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư 41/2021/TT-BGTVT.</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp với Điều 4 nêu trên.</p> <p>- Đã có đưa vào khoản 1 và 2 nêu trên</p> <p>- Bổ sung làm rõ trách nhiệm của các cơ quan khác và hướng dẫn nội dung quy trình bảo trì.</p>
<p>Điều 6.</p>	<p>Điều 6 (Giữ nguyên)</p>	
<p>Điều 7. Nội dung chi tiết công tác bảo trì công trình đường bộ Bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình. Sửa chữa công trình gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất, ngoài ra còn có sửa chữa khắc phục sự cố công trình. Nội dung cụ thể công việc được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo quy định này.</p>	<p>Điều 7. Nội dung chi tiết công tác bảo trì công trình đường bộ: Bỏ</p>	<p>Do đã được quy định chi tiết tại Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT</p>

Điều 8. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm

1. Đối với các tuyến đường sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và quy định của UBND tỉnh về sử dụng nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm

1. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường địa phương hàng năm sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đoạn đường ưu tiên (Công việc được ưu tiên gồm: bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, vận hành các công trình bên phà đường bộ, hầm có sử dụng thiết bị vận hành; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn giao thông, xử lý điểm đen tai nạn giao thông; kiểm định, sửa chữa cầu yếu, cầu hẹp; sửa chữa các tuyến đường hư hỏng mất an toàn giao thông; sửa chữa định kỳ nền, mặt đường của các tuyến đã khai thác quá thời hạn quy định để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật (mức độ rạn nứt, chỉ số độ gồ ghề, chỉ số nhám) theo tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng tiêu chuẩn và định mức về quản lý, bảo trì, kiểm định đánh giá khả năng chịu lực của các công trình cầu có biểu hiện xuống cấp không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và các công việc cần thiết khác. Tuyến đường ưu tiên: đường có lưu lượng vận tải lớn đóng vai trò trục chính liên kết các vùng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của cả nước và các vùng kinh tế trọng điểm). Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Đã bỏ “quy định của UBND tỉnh về sử dụng nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh”; cụ thể hoá việc lập, phê duyệt Kế hoạch bảo trì tương tự như đối với Quốc lộ

trước ngày 30 tháng 6 danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau.

Về kinh phí: đối với quản lý, bảo dưỡng thường xuyên căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (trường hợp chưa có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ tiếp theo thì căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân kỳ trước); đối với sửa chữa định kỳ căn cứ hiện trạng các công trình, quy trình bảo trì (nếu có), sửa chữa đột xuất căn cứ hiện trạng công trình chưa đến kỳ sửa chữa nhưng đã hư hỏng mất an toàn công trình và các công việc khác thực hiện theo quy định hiện hành (Có biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo).

b) Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau.

c) Căn cứ vào Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt: đối với dự toán dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hoàn thành trước ngày 01 tháng 10 hàng năm; đối với dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình (đối với sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất), dự toán các công việc khác theo quy định hiện hành, hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án sửa chữa công trình, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân

	<p>dân cấp huyện được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông nhưng không được vượt quá kinh phí được cấp của năm báo cáo và danh mục kế hoạch quản lý bảo trì được chấp thuận.</p> <p>d) Điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hệ thống đường địa phương hàng năm sử dụng vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>Trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa ngoài Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì đã phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương, danh mục bổ sung thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>Sau khi UBND tỉnh giao dự toán chi năm kế hoạch, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh Danh mục kế hoạch quản lý, bảo trì cho phù hợp với dự toán chi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.</p> <p>2. (Giữ nguyên)</p> <p>3. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</p>	<p>- Bổ sung cho bao trùm các trường hợp</p>
<p>Điều 9. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Căn cứ kế hoạch bảo trì hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, dự toán chi ngân sách địa phương và kế hoạch chi của Quỹ Bảo trì đường bộ,</p>	<p>Điều 9. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Căn cứ dự toán chi ngân sách hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Danh mục kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm được chấp thuận; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, quy trình bảo trì công trình</p>	<p>Bỏ nội dung: “và kế hoạch chi của Quỹ Bảo trì đường bộ” tại Khoản 1 và bỏ Khoản 4 do</p>

<p>Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.</p> <p>2.</p> <p>3.</p> <p>4. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo trì của các đơn vị có sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo trì đường bộ.</p>	<p>(nếu có) và các quy định pháp luật hiện hành, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.</p> <p>2. Giữ nguyên</p> <p>3. Giữ nguyên</p> <p>4. Bỏ</p>	<p>không còn Quỹ bảo trì đường bộ địa phương</p>
<p>Điều 10. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải, Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng, thi công sửa chữa công trình, lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.</p> <p>2.</p> <p>3. Đối với các công trình còn trong giai đoạn bảo hành, việc quản lý và sửa chữa đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 27, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.</p>	<p>Điều 10. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng, thi công sửa chữa công trình, lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.</p> <p>2. Giữ nguyên</p> <p>3. Đối với các công trình còn trong giai đoạn bảo hành, việc quản lý và sửa chữa đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 27, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT.</p>	<p>- Sửa đổi trách nhiệm của Cơ quan quản lý đường bộ và do Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thay thế Nghị định số 46/2015/NĐ-CP</p> <p>Do Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT.</p>
<p>Điều 11. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ</p>	<p>Điều 11. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: Bỏ</p>	<p>- Do đã quy định tại Mục 2, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</p>

<p>1. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ được giao ủy quyền quản lý từ nguồn vốn của Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương và từ các nguồn vốn khác theo quy định.</p> <p>2. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị chủ yếu bố trí từ nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ địa phương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.</p> <p>3. Vốn hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường xã chủ yếu được cân đối từ nguồn ngân sách cấp xã, đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.</p>		
<p>Điều 12. Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Đối với hệ thống đường địa phương, các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định:</p> <p>d) Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.</p>	<p>Điều 12. Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ</p> <p>1. Đối với hệ thống đường địa phương, các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định:</p> <p>d) Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT</p>	<p>- Do trong Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT đã bỏ phụ lục này.</p>
<p>Điều 13. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải:</p> <p>a)</p> <p>b) Hàng năm, xây dựng dự toán chi kế hoạch quản lý, bảo trì các tuyến Quốc lộ được ủy quyền trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt; xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh gửi Sở</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh</p> <p>1. Sở Giao thông vận tải:</p> <p>a) Giữ nguyên</p> <p>b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận; tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán chi ngân sách hàng</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi bổ sung Điều 8 nêu trên</p>

<p>Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo đúng quy định;</p> <p>c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</p> <p>d) Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền (hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý) đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ công trình giao thông đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý;</p> <p>đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn. Đối với hệ thống đường tỉnh, trường hợp các tuyến đường bị xuống cấp và hư hỏng nặng do thiên tai, lũ lụt gây ra vượt quá khả năng kinh phí duy tu bảo dưỡng, Sở Giao thông vận tải lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính. Căn cứ khả năng đảm bảo của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí khắc phục duy</p>	<p>năm; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh được giao quản lý theo đúng quy định.</p> <p>c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>d) Giữ nguyên</p> <p>đ) Giữ nguyên</p>	<p>Đã quy định ở nội dung tại các quyết định liên quan</p>
---	--	--

<p>tu, bảo dưỡng và thiêu tai trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;</p> <p>e) Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp;</p> <p>g) Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, Sở Giao thông vận tải phân bổ chi tiết nguồn vốn để quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao;</p> <p>f) Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ theo phân cấp;</p> <p>h) Hàng năm rà soát đánh giá, phân loại chất lượng đường bộ được giao quản lý, tổng hợp kết quả phân loại đường địa phương và tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định;</p> <p>i) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.</p> <p>2. Sở Tài chính:</p> <p>a) Hàng năm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, phân bổ kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng năm để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và thực hiện công</p>	<p>e) Giữ nguyên</p> <p>g) Giữ nguyên</p> <p>f) Bỏ</p> <p>h) Hàng năm rà soát đánh giá, phân loại chất lượng đường bộ được giao quản lý, tổng hợp kết quả phân loại đường địa phương và tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định;</p> <p>i) Giữ nguyên</p> <p>2. Sở Tài chính:</p> <p>a) Giữ nguyên</p> <p>b) Giữ nguyên</p>	<p>Sửa Tổng cục Đường bộ Việt Nam thành Cục ĐBVN</p>
--	--	--

<p>tác quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí quản lý bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đúng quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.</p>	<p>c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đảm bảo thời gian quy định.</p>	
<p>Điều 14. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện 3. Xây dựng kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm đoạn tuyến đường tỉnh được ủy quyền (nếu có), đường huyện, đường đô thị theo phân cấp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện 3. Xây dựng dự toán chi quản lý, bảo trì hàng năm đoạn tuyến đường huyện theo phân cấp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.</p>	
<p>Phụ lục Công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ</p>	<p>Bãi bỏ</p>	<p>Đã có các quy định pháp luật và quy chuẩn, tiêu chuẩn hướng dẫn cụ thể các nội dung công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ</p>